

Bản án số: 22/2019/HC-ST

Ngày: 24/10/2019

V/v khiếu kiện quyết định về việc
thu hồi giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lan

Ông Phạm Ngọc Dựng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông
Vũ Hồng Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử
sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 27/2019/TLST-HC ngày 08/8/2019 về
việc: “Khiếu kiện quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 9 năm
2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1954.

Cư trú: 15, đường T, khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Dương Văn
N, sinh năm 1964; cư trú: Số 3, tổ 1, ấp B, xã M, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Ủy ban nhân dân huyện T ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H – Phó Chủ tịch
Ủy ban nhân huyện T (Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T
– Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

Tại phiên tòa, có mặt: Ông Nguyễn Ngọc D, ông Dương Văn N; vắng mặt:
Ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

* Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc D trình bày:

Trong các năm: 1993, 1994, 1995, ông nhận chuyển nhượng đất của ông Võ Văn H diện tích trên 11.000m², đất tọa lạc ở xã T, huyện T. Sau đó, ông chuyển nhượng lại cho Ban Công trình công cộng khoảng 2.000m², còn lại 8.326m². Khi chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, đến lúc đăng ký quyền sử dụng đất, ông đã nộp các giấy nhận chuyển nhượng cho cơ quan đăng ký đất đai, nên không còn để chứng minh. Ông đã quản lý sử dụng đất liên tục từ năm 1993 đến nay.

Năm 2001, ông kê khai được Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt GCNQSDĐ) số vào sổ 02375/QSDĐ/eK ngày 14/5/2001, diện tích 8.326m² số tờ 06 gồm các thửa: Thửa 1409, mục đích sử dụng 1LN, diện tích 1.409m²; thửa 1896, mục đích sử dụng 1LN, diện tích 1.191m²; thửa 1898, mục đích sử dụng: DM, diện tích 5.726m².

Năm 2009, ông thực hiện việc đổi GCNQSDĐ mới theo yêu cầu của Ủy ban, nhưng ông không nhận được GCNQSDĐ mới. Ông nhiều lần liên hệ yêu cầu được cấp giấy thì được trả lời Giấy được cấp chồng lấn với đất của bà Hoàng H, nên không được cấp Giấy.

Năm 2015, ông xin phép cất quán trên đất để kinh doanh thì bà Hoàng H tranh chấp cho rằng đất của bà, trong khi GCNQSDĐ của ông được cấp năm 2001; GCNQSDĐ của bà Hoàng H được cấp 2007. Hai bên không tranh chấp ranh đất.

Ngày 21/6/2019, ông nhận được Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND huyện T về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Sau đây viết tắt Quyết định số 2941/QĐ-UBND) của ông. Lý do thu hồi GCNQSDĐ do cấp sai về trình tự thủ tục xét cấp GCNQSDĐ.

Ngày 29/7/2019, ông D khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu hủy Quyết định số 2941/QĐ-UBND, với lý do:

- + Đất ông đã đã nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn H và sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay;

- + Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông được cơ quan chuyên môn của UBND huyện T thực hiện, ông chỉ làm theo hướng dẫn của cán bộ và cơ quan Nhà nước.

Theo kết luận của Thanh tra huyện thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là sai về trình tự thủ tục, trong khi thủ tục cấp giấy là do Ủy ban, việc sai là do Ủy ban lại thu hồi GCNQSDĐ của ông, ông không đồng ý.

* Tại văn bản số: 4566/UBND-NC ngày 18/9/2019, UBND huyện T trình bày ý kiến:

- Hồ sơ thủ tục cấp GCNQSDĐ số vào sổ H2375/QSDĐ/eK ngày 14/5/2001 cho ông Nguyễn Ngọc D đã sai về trình tự, thủ tục xét cấp GCNQSDĐ, được thể hiện tại Kết luận thanh tra số 02/KL-TTH ngày 13/5/2019 của Thanh tra huyện.

- Việc ban hành Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 về việc thu hồi GCNQSDĐ số vào sổ H2375/QSDĐ/eK ngày 14/5/2001 do ông Nguyễn Ngọc D

đúng tên là đúng với quy định của pháp luật được quy định tại Điều a, Khoản 4, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện T ông Nguyễn Văn T trình bày: Xuất phát từ việc bà Hoàng Hngụ ở Châu Đốc tranh chấp đất với ông D, UBND huyện mới tiến hành thanh tra thì thấy thời điểm cấp GCNQSDĐ của ông D là cấp tập trung nên xem xét thủ tục chưa đầy đủ, cụ thể: Bản kê khai nguồn gốc đất có sau khi Ủy ban nhân dân xã xét đề xuất cấp Giấy, Bản kê khai ruộng đất không kê khai nguồn gốc đất....Do đó, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2941/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ của ông D là đúng quy định của pháp luật.

* Kết luận thanh tra số 02/KL-TTH ngày 13/5/2019 của Thanh tra huyện T có nội dung:

Khoảng năm 1995,1997, ông D nhận chuyển nhượng đất của ông Hồng khoảng 3.000m². Đến năm 2001, ông D đăng ký xin cấp GCNQSDĐ với diện tích 8.326m² và đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số H2375QSDĐ/eK ngày 14/5/2001, diện tích 8.326m² số tờ 06 gồm các thửa: Thửa 1409, mục đích sử dụng 1LN, diện tích 1.409m²; thửa 1896, mục đích sử dụng 1LN, diện tích 1.191m²; thửa 1898, mục đích sử dụng: DM, diện tích 5.726m². Trong đó thửa 1898 đã bao trùm lên diện tích đất của ông Nguyễn Văn Thiện nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn H vào năm 1995 (Năm 2005, ông Thiện chuyển nhượng đất lại cho ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Hoàng H).

- Bản kê khai ruộng đất xin cấp GCNQSDĐ do ông Nguyễn Ngọc D kê khai ngày 08/5/2001; còn Biên bản về việc xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ xã T ký ngày 16/02/2001 và Tờ trình số 19/TT.UB của UBND xã T ký ngày 26/4/2001. Đến ngày 14/5/2001, Phòng Địa chính huyện (Nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) có Tờ trình số 126/TT.ĐC về việc cấp GCNQSDĐ; cùng ngày, UBND huyện T ban hành Quyết định số 99/QĐ.UB về việc cấp GCNQSDĐ. Như vậy, bản kê khai ruộng đất của ông D ký sau ngày tháng Hội đồng họp xét cấp giấy, Tờ trình của xã; Tờ trình của Phòng Địa Chính huyện và Quyết định của UBND huyện chỉ trước bản kê khai ruộng đất 06 ngày là chưa phù hợp theo quy định.

- Trong Bản kê khai ruộng đất xin cấp GCNQSDĐ ngày 08/5/2001 của ông Nguyễn Ngọc D không ghi nội dung nguồn gốc sử dụng đất; ý kiến của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận không ghi ngày, tháng, năm và ý kiến đề nghị duyệt cấp hay không duyệt cấp của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận xã T; hơn nữa trong Bản kê khai không có thể hiện thửa đất số 1409 mà chỉ thể hiện thửa đất số 1897, diện tích 1.409m², nhưng trong GCNQSDĐ in thửa đất số 1409.

- Qua kiểm tra thì thửa đất số 1409, Tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: Ấp Thới Thuận, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, diện tích 1.409m², mục đích sử dụng đất: 1LN không có trên hệ thống Bản đồ nông nghiệp (Bản đồ 22) của xã T. Đồng thời, qua gắn ghép 02 hệ thống bản đồ nông nghiệp (Bản đồ 22) và Bản đồ địa chính thì thửa đất số 1898, Tờ bản đồ số 06 (Thuộc Bản đồ 22) hiện nay là thửa đất số 142, tờ

bản đồ số 54 (Thuộc Bản đồ địa chính). Như vậy, thửa đất số 1898 đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc D trùng lên thửa đất số 142, tờ bản đồ số 54 (Thuộc Bản đồ địa chính) đã cấp GCNQSDĐ số H02379eK (Là giấy cấp đổi từ GCNQSDĐ số H0519eK đứng tên ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Hoàng H do UBND huyện T cấp ngày 09/7/2007). Do các sai sót nêu trên, kiến nghị UBND huyện T thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông D.

Tại phiên tòa,

- Ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2941/QĐ-UBND vì việc áp dụng pháp luật hiện hành để xét việc cấp GCNQSDĐ năm 2001 là không đúng; Quyết định số 2941/QĐ-UBND áp dụng văn bản quy pháp pháp luật, nhưng không ghi cụ thể điểm, khoản, điều luật được áp dụng; Đất đã được cấp GCNQSDĐ thì khi có tranh chấp phải do Tòa án giải quyết, nhưng UBND huyện ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ là không đúng thẩm quyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông D, nhưng kiến nghị UBND huyện T rút kinh nghiệm: Trước khi ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ không ra thông báo cho ông D biết là không đúng quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ; Quyết định số 2941/QĐ-UBND không ghi căn cứ Kết luận thanh tra số 02/KL-TTH ngày 13/5/2019 của Thanh tra huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt HĐXX) nhận định:

[1]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hùng, ông Thành theo quy định tại Khoản 1, Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Ngọc D, khởi kiện Quyết định số 2941/QĐ-UBND do UBND huyện T ban hành, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 2941/QĐ-UBND được ban hành ngày 21/6/2019. Đến ngày 29/7/2019, ông D nộp Đơn khởi

kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang là trong thời hạn được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4]. Về việc ủy quyền: Chủ tịch UBND huyện T ủy quyền ông Nguyễn Thanh H – Phó Chủ tịch UBND huyện T tham gia tố tụng. Việc ủy quyền này phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 60 của Luật Tổ tụng hành chính, nên được Tòa án chấp nhận.

[5]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H được Chủ tịch UBND huyện T ủy quyền tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nên Tòa án lập Biên bản về việc không tiến hành đối thoại được theo quy định tại Khoản 1, Điều 135 của Luật Tổ tụng hành chính.

[6]. Về nội dung: Ông D yêu cầu hủy Quyết định số 2941/QĐ-UBND với lý do: Đất ông đã mua của ông Võ Văn H và sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay; việc UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông sai về trình tự thủ tục là do UBND huyện làm sai, nhưng lại thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông là không chấp nhận.

[7]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2941/QĐ-UBND, HĐXX xét thấy:

[8]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Đất ông D do UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, nên UBND huyện T ra quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông D là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 3, Điều 106 của Luật Đất đai 2013

[9]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: UBND huyện T đã giao cơ quan Thanh tra xác minh thẩm định lại việc cấp GCNQSDĐ cho ông D. Sau khi có Kết luận Thanh tra kiến nghị thu hồi GCNQSDĐ của ông D, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2941/QĐ-UBND là đúng quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Sau đây viết tắt Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

[10]. Về nội dung Quyết định số 2941/QĐ-UBND, HĐXX xét thấy: Bản kê khai ruộng đất xin cấp GCNQSDĐ do ông Nguyễn Ngọc D kê khai ngày 08/5/2001; còn Biên bản về việc xét cấp GCNQSDĐ của Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã T ký ngày 16/02/2001 và Tờ trình số 19/TT.UB của UBND xã T ký ngày 26/4/2001. Như vậy, Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận trước khi ông D có yêu cầu.

[11]. Trong Bản kê khai ruộng đất xin cấp GCNQSDĐ ngày 08/5/2001 của ông Nguyễn Ngọc D không ghi nội dung nguồn gốc sử dụng đất; ý kiến của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận không ghi ngày, tháng, năm và ý kiến đề nghị duyệt cấp hay không duyệt cấp của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận xã T; hơn nữa trong Bản kê khai không có thể hiện thửa đất số 1409 mà chỉ thể hiện thửa đất số 1897, diện tích 1.409m², nhưng trong GCNQSDĐ in thửa đất số 1409. Như vậy, UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho ông D là sai về trình tự, thủ tục được quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng Cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ.

[12]. Ngoài ra, Kết luận thanh tra còn nêu thừa 1898 đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc D trùng lên thửa 142, tờ bản đồ số 54 đã cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Hoàng H. UBND huyện T đã có Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Hoàng H.

[13]. Do đó, về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông D là chưa đúng thuộc trường hợp thu hồi GCNQSDĐ theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 106 của Luật Đất đai 2013.

[14]. Qua nhận định nêu trên thì thấy rằng Quyết định số 2941/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ của ông D là có căn cứ đúng quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 3, Điều 106 của Luật Đất đai 2013.

[15]. Tuy nhiên, Quyết định số 2941/QĐ-UBND không ghi cụ thể điểm, khoản, điều của các văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng; không ghi căn cứ Kết luận thanh tra số 02/KL-TTH ngày 13/5/2019 của Thanh tra huyện T là có thiếu sót, nhưng thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D, nên chỉ giới thiệu UBND huyện T rút kinh nghiệm để khắc phục.

[16]. Tại Điểm a, Khoản 4, Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra có văn bản kết luận Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, nếu kết luận đó là đúng thì quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; trường hợp xem xét, xác định Giấy chứng nhận đã cấp là đúng quy định của pháp luật thì phải thông báo lại cho cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra;*”. Đối chiếu trong trường hợp này đã có Kết luận của cơ quan Thanh tra, nên UBND huyện T không ban hành thông báo thu hồi GCNQSDĐ trước khi ban hành Quyết định thu hồi GCNQSDĐ của ông D là đúng.

[17]. Quyết định số 2941/QĐ-UBND là quyết định thu hồi GCNQSDĐ không phải quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, nên tranh luận của người bảo vệ quyền lợi cho ông D cho rằng đây là tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là không có cơ sở để chấp nhận.

[18]. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

[19]. Đề nghị của người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho ông D không phù hợp với nhận định nêu trên, nên không được HĐXX chấp nhận.

[20]. Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Nhận thấy, đề nghị này của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21]. Về án phí Hành chính sơ thẩm: Ông D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1, Điều 30; Khoản 4, Điều 32; Điểm a, Khoản 1, Điều 193; Khoản 1, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D đối với Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc D được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

- Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng Ủy ban nhân dân huyện T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA DS tỉnh An Giang (Khi Bản án có hiệu lực).
- UBND tỉnh An Giang (Khi Bản án có hiệu lực)
- Lưu:HS; Tòa Hành chính; Văn phòng; Phòng KTNV-THA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Nguyễn